

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HPT, ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Trịnh Kiều N1, sinh năm 2002 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh B (nay là thôn S, xã K, Thành phố H).

Bị đơn: Ông Hoàng Thành L, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện C, tỉnh B (nay là thôn S, xã K, Thành phố H).

Người làm chứng: Bà Võ Thị Như N2, sinh năm 2002 và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2002 (bà N2, bà D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã S, thành phố P, tỉnh B (nay là phường T, Thành phố H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Đoàn Trịnh Kiều N1 trình bày: Bà Đoàn Trịnh Kiều N1 và ông Hoàng Thành L yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 23/08/2021 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N1, ông L sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2024 bà N1 và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, bà N1 và ông L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà N1 và ông L đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Nay bà N1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N1 được ly hôn với ông Hoàng Thành L.

Về con chung: Bà Đoàn Trịnh Kiều N1 và ông Hoàng Thành L có 01 người con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/9/2021. Nếu ly hôn bà N1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và bà N1 không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Trịnh Kiều N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hoàng Thành L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Theo bản khai người làm chứng bà Võ Thị Như N2 và bà Trần Thị Mỹ D trình bày: Bà N1 và ông L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung là cháu Hoàng Gia B. Thời gian đầu chung sống vợ chồng giữa ông L và bà N1 hoà thuận hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xuyên thấy ông L, bà N1 mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Vì mâu thuẫn nên bà N1 và ông L đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Trịnh Kiều N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Trịnh Kiều N1 và ông Hoàng Thành L có đăng ký kết hôn, nay bà N1 xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Børn ông Hoàng Thành L đang cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh B (nay là xã K, Thanh phố H), căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Đức (nay là Toà án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Bà Đoàn Trịnh Kiều N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Hoàng Thành L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N1 và ông L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà N1 trình bày thì bà N1 và ông L yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 23/08/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N1, ông Lưu S hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2024 bà N1 và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, lo lắng cho nhau, bà N1 và ông L đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà N1 và ông L đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Nay bà N1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N1 yêu cầu Toà án giải quyết cho bà N1 được ly hôn với ông Hoàng Thành L.

Tại bản khai người làm chứng cung cấp nội dung: Bà N1 và ông L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống vợ chồng giữa ông L và bà N1 hoà thuận hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xuyên thấy ông L, bà N1 mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Vì mâu thuẫn nên bà N1 và ông L đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Toà án để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông L vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của người làm chứng nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà N1 được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà N1 và ông L có 01 người con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/9/2021. Bà N1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Bà N1

không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn liên quan đến con chung nên căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn và nhận thấy bà N1 có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, từ khi ông L, bà N1 sống ly thân thì cháu B sống chung với bà N1, các cháu vẫn phát triển ổn định về tâm sinh lý cũng như thể chất và tinh thần. Do đó để tránh sáo trộn môi trường sống và đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho bà N1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà N1 tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông L về việc cấp dưỡng, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà N1 là không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Trinh Kiều N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, không ghi nhận được ý kiến của ông L về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Đoàn Trinh Kiều N1 phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Đoàn Trinh Kiều N1 được ly hôn với ông Hoàng Thành L.

Về con chung: Bà Đoàn Trinh Kiều N1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/9/2021. Ông Hoàng Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hoàng Thành L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về án phí: Bà Đoàn Trinh Kiều N1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001888, ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Đoàn Trinh Kiều N1 đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 7 năm 2025) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà N1 và ông L đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- **UBND xã K;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến